TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2017/HNGĐ-ST
Ngày 17-7-2017
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN CANH, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà nguyễn Thị Vân Khánh

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Cung

2. Ông Nguyễn Minh Nhật

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thanh Vân – Là Thư ký TAND huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Canh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở thôn Kinh tế, xã Canh Vinh, huyện Vân Canh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/6/2017 về việc: "Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXX-ST ngày 10/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1996

2. Bị đơn: Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1991

Đồng địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 19/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:***

Chị và anh T tìm hiểu, yêu nhau và đi đến hôn nhân, anh chị có đến UBND xã C đăng ký kết hôn vào năm 2014. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc và sinh được một con chung. Từ khi chị đi học nghề làm tóc về nhưng không làm ra tiền nên bị gia đình chồng coi thường chị, còn anh T thì thường xuyên ăn nhậu nên vợ chồng luôn kình cãi nhau, anh T đánh và đuổi chị ra khỏi

nhà nên chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã P sinh sống. Chị thấy vợ chồng không còn tình cảm nên chị khởi kiện ra Tòa xin ly hôn.

Anh chị có một con chung là cháu Bùi Nguyễn Quỳnh Đ, sinh ngày 10/9/2014, vì con còn quá nhỏ nên chị yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung của anh chị không có và cũng không có nợ tài sản của ai, nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 03/7/2017 và tại phiên tòa, bị đơn – Anh Bùi Thanh T trình bày:***

Anh và chị N yêu nhau đi đến kết hôn vào năm 2014, có đến UBND xã C đăng ký kết hôn, những ngày đầu anh chị chung sống hạnh phúc. Vì anh và chị N không có công việc làm ổn định và chị N thường xuyên bỏ nhà đi làm thuê, mấy tháng gần đây chị N quen thân với người đàn ông khác, bỏ bê công việc gia đình nên anh chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng luôn kình cãi nhau, anh có đánh chị và đuổi chị ra khỏi nhà, nên chị về nhà mẹ đẻ ở xã P sinh sống. Anh không muốn ly hôn vì còn thương vợ con, nhưng vì chị N quyết định ly hôn nên anh đồng ý; tuy con còn nhỏ nhưng anh xin được nuôi con chung là cháu Bùi Nguyễn Quỳnh Đ, sinh ngày 10/9/2014, và không yêu cầu chị N đóng tiền cấp dưỡng cho con; bởi vì: Chị N làm nghề uốn tóc nhưng hiện chưa có nơi ở và nơi làm nghề ổn định, đang phải đi làm thuê ở thị trấn D, trong khi bố mẹ chị N còn phải lo buôn bán kiếm tiền nuôi bản thân; còn anh thì đã có việc làm gần nhà, mẹ anh chỉ ở nhà chăm cháu. Về tài sản chung thì anh chị không có và không có nợ tài sản của ai như chị N khai là đúng.

*** Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát Vân Canh:**

- Về áp dụng luật hình thức: Từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết vụ án trong Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về áp dụng luật nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã thường xuyên xảy ra đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn và anh T chấp nhận ly hôn, nên đề nghị Tòa ghi nhận sự thuận tình ly hôn của hai bên đương sự theo qui định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Con chung của anh T chị N là cháu Bùi Nguyễn Quỳnh Đ, sinh ngày 10/9/2014, chưa tròn 36 tháng tuổi nên đề nghị Tòa giao con chung cho chị N nuôi dưỡng theo qui định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về án phí: Chị N và anh T phải nộp mỗi người 75.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật mà các đương sự yêu cầu Tòa giải quyết trong vụ án này là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét lời nại của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị N, anh T có tìm hiểu, yêu nhau và đi đến đăng ký kết hôn vào ngày 26/3/2014 tại UBND xã C. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc và sinh được một con chung là cháu Bùi Nguyễn Quỳnh Đ, sinh ngày 10/9/2014. Những ngày gần đây thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau. Mặc dù anh T không muốn ly hôn vì vẫn còn thương yêu vợ con, song, chị Nga cương quyết xin ly hôn nên anh chấp nhận ly hôn. Qua hòa giải nhiều lần, xét thấy mâu thuẫn hai bên ngày càng trầm trọng và thuận tình ly hôn, nên Tòa ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị N và anh T theo qui định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung. Anh T chị N có một con chung là cháu Bùi Nguyễn Quỳnh Đ, sinh ngày 10/9/2014. Cả anh T và chị N đều muốn nuôi con chung và không yêu cầu phía bên kia phải đóng góp tiền cấp dưỡng cho con. Xét thấy con chung của anh chị dưới 36 tháng tuổi, chị N có sức khỏe, có nghề nghiệp, có đủ khả năng và điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo qui định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Tòa chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị N; chị N không yêu cầu anh T phải đóng góp tiền cấp dưỡng cho con nên Tòa miễn xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung của vợ chồng. Chị N và anh T đều khai là anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ tài sản của ai, không yêu cầu Tòa giải quyết, nên Tòa không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí DSST: Chị N và anh T thỏa thuận ly hôn tại phiên hòa giải ngày 04/7/2017 (trước ngày Tòa mở phiên tòa), nên anh chị phải chịu 50% tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ x 50% = 150.000đ theo qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Bùi Thanh T.

- *Về quan hệ con chung*: Giao cho chị N quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Bùi Nguyễn Quỳnh Đ, sinh ngày 10/9/2014. Chị N không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên Tòa miễn xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở. Vì quyền lợi của con chung, hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con, mức cấp dưỡng cho con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: Anh chị không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa miễn xét.

**** Về án phí DSST**:* Áp dụng qui định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị N phải nộp 75.000đ (Bảy mươi làm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 05385 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bình Định; chị N được trả lại 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm còn thừa.

Anh T phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm;

Những người tham gia tố tụng trong vụ án có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm lên Tòa án cấp trên trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định có hiệu lực theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT -TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Huyện Vân Canh; tỉnh BĐ;
- Thi hành án-DS huyện Vân Canh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

Nguyễn Thị Vân Khánh